

Số: *4657* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *16* tháng *8* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 để sử dụng vào mục đích thực hiện Dự án Khu dân cư Vinaconex 3 - Phố Yên tại xã Hồng Tiến, thị xã Phố Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 4249/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thị xã Phố Yên;

Xét đơn xin giao đất của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3, đề ngày 07 tháng 8 năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 516/TTr-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 diện tích 15.036,6 m² đất (đã được UBND thị xã Phố Yên thu hồi và giải phóng mặt bằng) để sử dụng vào mục đích thực hiện Dự án Khu dân cư Vinaconex 3 - Phố Yên tại xã Hồng Tiến, thị xã Phố Yên, cụ thể như sau:

1. Diện tích 12.210,8 m² đất để đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật (đất cây xanh, đất hạ tầng kỹ thuật, đất giao thông,...).

2. Diện tích 712,0 m² đất quy hoạch xây dựng trường mầm non.

3. Diện tích 1.677,9 m² đất ở để xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê. Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 03/3/2067.

4. Diện tích 435,9 m² đất thương mại, dịch vụ. Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 03/3/2067.

5. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản trích lục bản đồ địa chính, tờ bản đồ địa chính số 25, 26, 31, 32, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỷ lệ 1: 1000, do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xác lập ngày 07/8/2020.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Đối với phần diện tích đất giao tại khoản 1, khoản 2, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Đối với phần diện tích đất giao tại khoản 3, khoản 4, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND thị xã Phổ Yên, UBND xã Hồng Tiến, Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện:

- Xác định nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần Xây dựng số 3.
- Thông báo nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 theo quy định.

- Xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định sau khi hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Phổ Yên, Chủ tịch UBND xã Hồng Tiến, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - TT. Thông tin- VP UBND tỉnh;
 - Lưu: HS, VT, CNN.
- DAT. QD. 24/8. 12b.

§

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tiến

Phụ lục.

DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO CHO CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3
THỊ XÃ HỒNG TIẾN, THỊ XÃ PHỔ YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4551/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2020
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Loại đất
I	Đất ở	1.677,9	
1	25	263,0	ONT
2	31	316,4	ONT
3	31	156,1	ONT
4	31	91,2	ONT
5	31	4,4	ONT
6	26	22,3	ONT
7	26	15,2	ONT
8	32	809,3	ONT
II	Đất thương mại, dịch vụ	435,9	
1	32	268,8	TMD
2	32	167,1	TMD
IV	Đất trồng mằm non	712,0	
1	32	712,0	DGD
V	Đất giao thông, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật	12.210,8	
1	31	353,8	DGT
2	25	185,3	DGT
3	26	368,3	DGT
4	26	3.308,5	DGT
5	26	443,7	DCK
6	26	666,6	DGT
7	26	1.939,8	DCK
8	26	231,7	DCK
9	26	36,8	DCK
10	26	90,2	DCK
11	32	4.586,1	DGT
	Tổng cộng	15.036,6	

